

Số: 95/QĐ-CTK

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2025
của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa**

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THỐNG KÊ TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-BTC ngày 05/3/2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thống kê cấp tỉnh thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-CTK ngày 12/3/2025 của Cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đội Thống kê cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-CCTK ngày 15/5/2025 của Chi cục Thống kê Thanh Hóa về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

Xét đề nghị của Kế toán trưởng, Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa (*chi tiết tại các biểu đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị liên quan trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban KHTC-CCTK;
- KBNN nơi giao dịch;
- Đội Thống kê các huyện, thành phố;
- Đăng trên web CCTK tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KT.

CHI CỤC TRƯỞNG



Thái Bá Minh

Thái Bá Minh

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐCCTK ngày 15/5/2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: CHI CỤC THỐNG KÊ TỈNH THANH HÓA
Chương:018

Số TT	Nội dung	Tổng số điều chỉnh giảm	Tổng số điều chỉnh giảm								
				Cơ quan CCTK tỉnh Thanh Hóa	CCTK huyện Hà Trung	CCTK huyện Lang Chánh	CCTK huyện Nga Sơn	CCTK huyện Như Xuân	CCTK huyện Quảng Xương	CCTK huyện Thạch Thành	CCTK huyện Yên Định
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí										
1	Số thu phí, lệ phí										
1.1	Lệ phí										
	Lệ phí A										
	Lệ phí B										
											
1.2	Phí										
	Phí A										
	Phí B										
											
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại										
2.1	Chi sự nghiệp.....										
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
2.2	Chi quản lý hành chính										
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN										
3.1	Lệ phí										

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐCCTK ngày 15/5/2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: CHI CỤC THỐNG KÊ TỈNH THANH]

Chương:018

Số TT	Nội dung	Chi ra									
		Đội Thống kê số 1	Đội Thống kê số 2	Đội Thống kê số 3	Đội Thống kê số 4	Đội Thống kê số 5	Đội Thống kê số 6	Đội Thống kê số 7	Đội Thống kê số 8	Đội Thống kê số 9	Đội Thống kê số 10
A	B	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí										
1	Số thu phí, lệ phí										
1.1	Lệ phí										
	Lệ phí A										
	Lệ phí B										
											
1.2	Phí										
	Phí A										
	Phí B										
											
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại										
2.1	Chi sự nghiệp.....										
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
2.2	Chi quản lý hành chính										
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN										
3.1	Lệ phí										

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐCCTK ngày 15/5/2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: CHI CỤC THỐNG KÊ TỈNH THANH]

Chương:018

Số TT	Nội dung									
		Đội Thống kê số 11	Đội Thống kê số 12	Đội Thống kê số 13	Đội Thống kê số 14	Đội Thống kê số 15	Đội Thống kê số 16	Đội Thống kê số 17	Đội Thống kê số 18	Đội Thống kê số 19
A	B	19	20	21	22	23	24	25	26	27
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí									
1	Số thu phí, lệ phí									
1.1	Lệ phí									
	Lệ phí A									
	Lệ phí B									
										
1.2	Phí									
	Phí A									
	Phí B									
										
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại									
2.1	Chi sự nghiệp.....									
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
2.2	Chi quản lý hành chính									
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ									
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ									
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN									
3.1	Lệ phí									

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐCCTK ngày 15/5/2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung	Tổng số điều chỉnh giảm	Tổng số điều chỉnh giảm								
				Cơ quan CCTK tỉnh Thanh Hóa	CCTK huyện Hà Trung	CCTK huyện Lang Chánh	CCTK huyện Nga Sơn	CCTK huyện Như Xuân	CCTK huyện Quảng Xương	CCTK huyện Thạch Thành	CCTK huyện Yên Định
	Lệ phí A										
	Lệ phí B										
											
3.2	Phí										
	Phí A										
	Phí B										
											
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước										
1	Chi quản lý hành chính	90.233.000	90.233.000	37.006.400	160.999	248.435	295.966	293.782	292.732	246.137	227.112
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	40.974.000	40.974.000	16.925.400	115.999	158.780	167.060	181.093	181.268	129.444	127.246
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	47.281.000	47.281.000	20.081.000	45.000	89.655	128.905	112.689	111.463	116.693	99.867
2	Nghiên cứu khoa học										
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ										
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>										
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>										
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>										
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng										
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.873.000	1.873.000	1.873.000							
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	105.000	105.000	105.000							

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐCCTK ngày 15/5/2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung	Chi ra									
		Đội Thống kê số 1	Đội Thống kê số 2	Đội Thống kê số 3	Đội Thống kê số 4	Đội Thống kê số 5	Đội Thống kê số 6	Đội Thống kê số 7	Đội Thống kê số 8	Đội Thống kê số 9	Đội Thống kê số 10
	Lệ phí A										
	Lệ phí B										
											
3.2	Phí										
	Phí A										
	Phí B										
											
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước										
1	Chi quản lý hành chính	4.209.000	3.810.868	2.936.701	2.452.400	3.455.334	2.924.400	1.967.800	3.487.888	2.477.600	2.038.400
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.209.000	1.722.332	1.581.701	952.400	1.684.240	924.400	967.800	1.687.754	977.600	1.038.400
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.000.000	2.088.537	1.355.000	1.500.000	1.771.095	2.000.000	1.000.000	1.800.133	1.500.000	1.000.000
2	Nghiên cứu khoa học										
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ										
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>										
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>										
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>										
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng										
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề										

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐCCTK ngày 15/5/2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung									
		Đội Thống kê số 11	Đội Thống kê số 12	Đội Thống kê số 13	Đội Thống kê số 14	Đội Thống kê số 15	Đội Thống kê số 16	Đội Thống kê số 17	Đội Thống kê số 18	Đội Thống kê số 19
	Lệ phí A									
	Lệ phí B									
										
3.2	Phí									
	Phí A									
	Phí B									
										
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước									
1	Chi quản lý hành chính	1.657.600	3.669.618	3.252.765	3.397.263	1.633.800	1.877.000	1.460.100	1.340.900	1.434.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	857.600	1.782.307	1.642.420	1.413.956	733.800	677.000	760.100	640.900	734.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	800.000	1.887.311	1.610.345	1.983.307	900.000	1.200.000	700.000	700.000	700.000
2	Nghiên cứu khoa học									
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ									
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>									
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>									
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>									
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng									
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề									

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐCCTK ngày 15/5/2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung	Tổng số điều chỉnh giảm	Tổng số điều chỉnh giảm								
				Cơ quan CCTK tỉnh Thanh Hóa	CCTK huyện Hà Trung	CCTK huyện Lang Chánh	CCTK huyện Nga Sơn	CCTK huyện Như Xuân	CCTK huyện Quảng Xương	CCTK huyện Thạch Thành	CCTK huyện Yên Định
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình										
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
5	Chi bảo đảm xã hội										
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
6	Chi hoạt động kinh tế										
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường										
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin										
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn										

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐCCTK ngày 15/5/2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung	Chi ra									
		Đội Thống kê số 1	Đội Thống kê số 2	Đội Thống kê số 3	Đội Thống kê số 4	Đội Thống kê số 5	Đội Thống kê số 6	Đội Thống kê số 7	Đội Thống kê số 8	Đội Thống kê số 9	Đội Thống kê số 10
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình										
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
5	Chi bảo đảm xã hội										
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
6	Chi hoạt động kinh tế										
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường										
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin										
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn										

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐCCTK ngày 15/5/2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung									
		Đội Thống kê số 11	Đội Thống kê số 12	Đội Thống kê số 13	Đội Thống kê số 14	Đội Thống kê số 15	Đội Thống kê số 16	Đội Thống kê số 17	Đội Thống kê số 18	Đội Thống kê số 19
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình									
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
5	Chi bảo đảm xã hội									
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
6	Chi hoạt động kinh tế									
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường									
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin									
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn									

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐCCTK ngày 15/5/2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung	Tổng số điều chỉnh giảm	Tổng số điều chỉnh giảm								
				Cơ quan CCTK tỉnh Thanh Hóa	CCTK huyện Hà Trung	CCTK huyện Lang Chánh	CCTK huyện Nga Sơn	CCTK huyện Như Xuân	CCTK huyện Quảng Xương	CCTK huyện Thạch Thành	CCTK huyện Yên Định
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao										
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
11	Chi Chương trình mục tiêu										
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia										
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>										
2	Chi Chương trình mục tiêu										
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>										

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐCCTK ngày 15/5/2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung	Chi ra									
		Đội Thống kê số 1	Đội Thống kê số 2	Đội Thống kê số 3	Đội Thống kê số 4	Đội Thống kê số 5	Đội Thống kê số 6	Đội Thống kê số 7	Đội Thống kê số 8	Đội Thống kê số 9	Đội Thống kê số 10
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao										
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										
11	Chi Chương trình mục tiêu										
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia										
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>										
2	Chi Chương trình mục tiêu										
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>										

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐCCTK ngày 15/5/2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung									
		Đội Thống kê số 11	Đội Thống kê số 12	Đội Thống kê số 13	Đội Thống kê số 14	Đội Thống kê số 15	Đội Thống kê số 16	Đội Thống kê số 17	Đội Thống kê số 18	Đội Thống kê số 19
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao									
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
11	Chi Chương trình mục tiêu									
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia									
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>									
2	Chi Chương trình mục tiêu									
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>									

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐ-CCTK ngày 15/5/2025 của CCTK tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: CCTK TỈNH THANH HÓA

Chương:013

Số TT	Nội dung	Tổng số điều chỉnh giảm	Tổng số điều chỉnh giảm						
				Văn phòng Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	CCTK huyện Hà Trung	CCTK huyện Lang Chánh	CCTK huyện Nga Sơn	CCTK huyện Như Xuân	CCTK huyện Quảng Xương
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
1	Số thu phí, lệ phí								
1.1	Lệ phí								
	Lệ phí A								
	Lệ phí B								
									
1.2	Phí								
	Phí A								
	Phí B								
									
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại								
2.1	Chi sự nghiệp.....								
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
2.2	Chi quản lý hành chính								
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN								
3.1	Lệ phí								
	Lệ phí A								

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐ-CCTK ngày 15/5/2025 của CCTK tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: CCTK TỈNH THANH HÓA

Chương:013

Số TT	Nội dung	Chia							
		CCTK huyện Thạch Thành	CCTK huyện Yên Định	CCTK thành phố Thanh Hóa	CCTK thành phố Sầm Sơn	CCTK thị xã Bim Sơn	CCTK thị xã Nghi Sơn	CCTK huyện Hậu Lộc	CCTK huyện Hoằng Hóa
A	B	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
1	Số thu phí, lệ phí								
1.1	Lệ phí								
	Lệ phí A								
	Lệ phí B								
									
1.2	Phí								
	Phí A								
	Phí B								
									
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại								
2.1	Chi sự nghiệp.....								
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
2.2	Chi quản lý hành chính								
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN								
3.1	Lệ phí								
	Lệ phí A								

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐ-CCTK ngày 15/5/2025 của CCTK tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: CCTK TỈNH THANH HÓA

Chương:013

Số TT	Nội dung	ra						
		CCTK huyện Nông Cống	CCTK huyện Thiệu Hóa	CCTK huyện Triệu Sơn	CCTK huyện Thọ Xuân	CCTK huyện Thường Xuân	CCTK huyện Như Thanh	CCTK huyện Ngọc Lặc
A	B	15	16	17	18	19	20	21
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí							
1	Số thu phí, lệ phí							
1.1	Lệ phí							
	Lệ phí A							
	Lệ phí B							
								
1.2	Phí							
	Phí A							
	Phí B							
								
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại							
2.1	Chi sự nghiệp.....							
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
2.2	Chi quản lý hành chính							
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ							
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ							
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN							
3.1	Lệ phí							
	Lệ phí A							

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐ-CCTK ngày 15/5/2025 của CCTK tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: CCTK TỈNH THANH HÓA

Chương:013

Số TT	Nội dung						
		CCTK huyện Vĩnh Lộc	CCTK huyện Bá Thước	CCTK huyện Cẩm Thủy	CCTK huyện Quan Hóa	CCTK huyện Quan Sơn	CCTK huyện Mường Lát
A	B	22	23	24	25	26	27
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
1	Số thu phí, lệ phí						
1.1	Lệ phí						
	Lệ phí A						
	Lệ phí B						
							
1.2	Phí						
	Phí A						
	Phí B						
							
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại						
2.1	Chi sự nghiệp.....						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2.2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN						
3.1	Lệ phí						
	Lệ phí A						

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐ-CCTK ngày 15/5/2025 của CCTK tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung	Tổng số điều chỉnh giảm	Tổng số điều chỉnh giảm						
				Văn phòng Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	CCTK huyện Hà Trung	CCTK huyện Lang Chánh	CCTK huyện Nga Sơn	CCTK huyện Như Xuân	CCTK huyện Quảng Xương
	Lệ phí B								
									
3.2	Phí								
	Phí A								
	Phí B								
									
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước								
1	Chi quản lý hành chính	- 90.233.000	- 90.233.000	- 37.006.400	- 160.999	- 248.435	- 295.966	- 293.782	- 292.732
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	- 40.974.000	- 40.974.000	- 16.925.400	- 115.999	- 158.780	- 167.060	- 181.093	- 181.268
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	- 47.281.000	- 47.281.000	- 20.081.000	- 45.000	- 89.655	- 128.905	- 112.689	- 111.463
2	Nghiên cứu khoa học								
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ								
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>								
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>								
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>								
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng								
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	- 1.873.000	- 1.873.000	- 1.873.000					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	- 105.000	- 105.000	- 105.000					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình								
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐ-CCTK ngày 15/5/2025 của CCTK tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung	Chia							
		CCTK huyện Thạch Thành	CCTK huyện Yên Định	CCTK thành phố Thanh Hóa	CCTK thành phố Sầm Sơn	CCTK thị xã Bim Sơn	CCTK thị xã Nghi Sơn	CCTK huyện Hậu Lộc	CCTK huyện Hoằng Hóa
	Lệ phí B								
									
3.2	Phí								
	Phí A								
	Phí B								
									
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước								
1	Chi quản lý hành chính	- 246.137	- 227.112	- 4.209.000	- 3.810.868	- 2.936.701	- 2.452.400	- 3.455.334	- 2.924.400
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	- 129.444	- 127.246	- 2.209.000	- 1.722.332	- 1.581.701	- 952.400	- 1.684.240	- 924.400
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	- 116.693	- 99.867	- 2.000.000	- 2.088.537	- 1.355.000	- 1.500.000	- 1.771.095	- 2.000.000
2	Nghiên cứu khoa học								
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ								
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>								
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>								
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>								
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng								
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề								
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình								
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐ-CCTK ngày 15/5/2025 của CCTK tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung	ra						
		CCTK huyện Nông Cống	CCTK huyện Thiệu Hóa	CCTK huyện Triệu Sơn	CCTK huyện Thọ Xuân	CCTK huyện Thường Xuân	CCTK huyện Như Thanh	CCTK huyện Ngọc Lặc
	Lệ phí B							
								
3.2	Phí							
	Phí A							
	Phí B							
								
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước							
1	Chi quản lý hành chính	- 1.967.800	- 3.487.888	- 2.477.600	- 2.038.400	- 1.657.600	- 3.669.618	- 3.252.765
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	- 967.800	- 1.687.754	- 977.600	- 1.038.400	- 857.600	- 1.782.307	- 1.642.420
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	- 1.000.000	- 1.800.133	- 1.500.000	- 1.000.000	- 800.000	- 1.887.311	- 1.610.345
2	Nghiên cứu khoa học							
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ							
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>							
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>							
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>							
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng							
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề							
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình							
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐ-CCTK ngày 15/5/2025 của CCTK tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung						
		CCTK huyện Vĩnh Lộc	CCTK huyện Bá Thước	CCTK huyện Cẩm Thủy	CCTK huyện Quan Hóa	CCTK huyện Quan Sơn	CCTK huyện Mường Lát
	Lệ phí B						
							
3.2	Phí						
	Phí A						
	Phí B						
							
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước						
1	Chi quản lý hành chính	- 3.397.263	- 1.633.800	- 1.877.000	- 1.460.100	- 1.340.900	- 1.434.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	- 1.413.956	- 733.800	- 677.000	- 760.100	- 640.900	- 734.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	- 1.983.307	- 900.000	- 1.200.000	- 700.000	- 700.000	- 700.000
2	Nghiên cứu khoa học						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>						
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề						
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐ-CCTK ngày 15/5/2025 của CCTK tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung	Tổng số điều chỉnh giảm	Tổng số điều chỉnh giảm						
				Văn phòng Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	CCTK huyện Hà Trung	CCTK huyện Lang Chánh	CCTK huyện Nga Sơn	CCTK huyện Như Xuân	CCTK huyện Quảng Xương
5	Chi bảo đảm xã hội								
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
6	Chi hoạt động kinh tế								
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường								
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin								
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn								
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao								
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
11	Chi Chương trình mục tiêu								
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia								
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>								
2	Chi Chương trình mục tiêu								
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>								

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐ-CCTK ngày 15/5/2025 của CCTK tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung	Chia							
		CCTK huyện Thạch Thành	CCTK huyện Yên Định	CCTK thành phố Thanh Hóa	CCTK thành phố Sầm Sơn	CCTK thị xã Bim Sơn	CCTK thị xã Nghi Sơn	CCTK huyện Hậu Lộc	CCTK huyện Hoằng Hóa
5	Chi bảo đảm xã hội								
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
6	Chi hoạt động kinh tế								
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường								
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin								
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn								
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao								
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								
11	Chi Chương trình mục tiêu								
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia								
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)								
2	Chi Chương trình mục tiêu								
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)								

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐ-CCTK ngày 15/5/2025 của CCTK tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung	ra						
		CCTK huyện Nông Cống	CCTK huyện Thiệu Hóa	CCTK huyện Triệu Sơn	CCTK huyện Thọ Xuân	CCTK huyện Thường Xuân	CCTK huyện Như Thanh	CCTK huyện Ngọc Lặc
5	Chi bảo đảm xã hội							
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
6	Chi hoạt động kinh tế							
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường							
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin							
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn							
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao							
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
11	Chi Chương trình mục tiêu							
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia							
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>							
2	Chi Chương trình mục tiêu							
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>							

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐ-CCTK ngày 15/5/2025 của CCTK tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung						
		CCTK huyện Vĩnh Lộc	CCTK huyện Bá Thước	CCTK huyện Cẩm Thủy	CCTK huyện Quan Hóa	CCTK huyện Quan Sơn	CCTK huyện Mường Lát
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
11	Chi Chương trình mục tiêu						
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia						
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>						
2	Chi Chương trình mục tiêu						
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>						